

Số: 12/2022/CV-LHC

V/v : Giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau
thuế năm 2021 so với năm trước.

Tp.HCM, Ngày 04 tháng 03 năm 2022.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2021 của công ty được nêu trong báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ đầu tư Lighthouse xin báo cáo và giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau:

1. Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021:

CHỈ TIÊU	NĂM		TĂNG/GIẢM	TỶ LỆ
	2021	2020		
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	527.945.983	-	527.945.983	
Doanh thu hoạt động tài chính	17.423.740.549	3.272.223.142	14.151.517.407	432%
Chi phí tài chính	4.487.005.001	983.099.490	3.503.905.511	356%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.131.873.245	1.607.603.595	2.524.269.650	157%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.332.808.286	681.520.057	8.651.288.229	1269%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.321.372.010	681.520.057	8.639.851.953	1268%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	825.013.266	-	825.013.266	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.496.358.744	681.520.057	7.814.838.687	1147%

2. Nguyên nhân biến động lợi nhuận:

- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trong năm 2021 là 527,9 triệu trong khi năm 2020 là 0 đến từ việc công ty triển khai lại hoạt động quản lý danh mục đầu tư của khách hàng.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 tăng 14,1 tỷ (tương đương 432%) so với năm trước đến từ việc công ty đẩy mạnh đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ;

- Chi phí tài chính năm 2021 tăng 3,5 tỷ (tương đương 356%) so với năm trước, lý do trong kỳ công ty có khoản lỗ từ việc bán các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ và chi phí giao dịch chứng khoán ngắn hạn trong kỳ;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 tăng 2,5 tỷ (tương đương 157%) so với năm trước, nguyên nhân công ty bắt đầu xây dựng lại bộ máy nhân sự và cơ sở vật chất, mục đích đẩy mạnh kinh doanh sau thời gian dài trì trệ kinh doanh;

Vì các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 tăng 7,8 tỷ (tương đương 1147%) so với năm trước.

Trên đây là giải trình về biến động lợi nhuận trên báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Lighthouse, xin báo cáo để Ủy Ban Chứng Khoán được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Đình Quang



**Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán

Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38.205.944 - Fax: (08) 38.205.942

Website: www.aascs.com.vn

E-mail: infor@aascs.com.vn



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty	01 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103005782 ngày 25/12/2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ 11 ngày 12/02/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 131/GPĐC-UCK ngày 31/12/2021 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**
Tên tiếng Anh : Lighthouse Fund Management Joint Stock Company
Trụ sở chính : Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng; Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng.
Nghịệp vụ kinh doanh : + Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
+ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
Người đại diện pháp luật: Nguyễn Lê Đình Quang - Tổng Giám đốc

Trong quá trình hoạt động công ty đã có một số thay đổi về giấy phép kinh doanh như sau:

Theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006 của UBCK Nhà nước:

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**
Trụ sở chính : 170 Lê Lai, P. Bến Thành, Q.01, TP.HCM
Vốn điều lệ : 6.800.000.000 đồng. Bằng chữ: Sáu tỷ tám trăm triệu đồng.
Nghịệp vụ kinh doanh : + Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
: + Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán

- Giấy phép điều chỉnh số 18/UBCK-GPĐC ngày 13/8/2008 của UBCK Nhà nước:

Bổ sung nghịệp vụ kinh doanh: Quản lý danh mục đầu tư
Người đại diện pháp luật: Lê Mỹ Hà - Tổng Giám đốc

- Giấy phép điều chỉnh số 33/UBCK-GPĐC ngày 02/03/2009 của UBCK Nhà nước:

Vốn điều lệ mới : 25.000.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ đồng)
Địa chỉ trụ sở: 258 Ter Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.
Nghịệp vụ kinh doanh : + Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán
+ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

- Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2011 của UBCK Nhà nước:

Người đại diện pháp luật: Trần Quỳnh Hương - Tổng Giám đốc

- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 11/03/2014 của UBCK Nhà nước:



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 11/03/2014 của UBCK Nhà nước:

Trụ sở chính : Lầu 1 Lô B39, 128 đường số 2, KDC Kim Sơn, P.Tân Phong, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh.

- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 12/08/2015 của UBCK Nhà nước:

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 01/12/2016 của UBCK Nhà nước:

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trụ sở chính : Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 14/9/2017 của UBCK Nhà nước:

Người đại diện pháp luật: Lê Tiến Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK ngày 10/8/2021 của UBCK Nhà nước:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Lighthouse

Tên tiếng Anh: Lighthouse Fund Management Joint Stock Company

Người đại diện pháp luật: Hồ Hoàng Lâm - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giấy phép điều chỉnh số 131/GPĐC-UBCK ngày 31/12/2021 của UBCK Nhà nước:

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Lê Đình Quang - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

Tình hình kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Văn bản số	Ngày bổ nhiệm
- Ông Hồ Hoàng Lâm	Chủ tịch	11/2021/NQ-HĐQT	04/06/2021
- Ông Nguyễn Công Hiệp	Thành viên		
- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Thành viên		

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức danh	Quyết định	Ngày bổ nhiệm
- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Quyết định	Ngày bổ nhiệm
- Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Trưởng ban	01/2021/QĐ-BKS	29/01/2021
- Bà Phạm Thị Phương Hoa	Thành viên	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	29/01/2021
- Bà Bùi Ngọc Ánh	Thành viên	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	29/01/2021

Người Đại diện theo pháp luật

Họ tên	Chức danh	Quyết định	Ngày bổ nhiệm
- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021

Kế toán trưởng:

Họ tên	Chức danh	Quyết định	Ngày bổ nhiệm
- Ông Trần Quang Thái	Kế toán trưởng	03/2021/QĐ-HĐQT	24/02/2021

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ngày 12/02/2022 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005782 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, trong đó Công ty thay đổi như sau:

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Đình Quang - chức danh Tổng Giám đốc.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.



Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban Quản trị Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu Tư Lighthouse phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG
Tổng Giám đốc



Số : ...76.../BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Phương Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Phương Đông, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư Lighthouse đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)



Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN KTV số: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN KTV số: 1091-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		24.518.930.030	17.856.429.687
I. Tiền và tương đương tiền	110	V.01.	5.950.553.234	1.032.664.887
1. Tiền	111		5.950.553.234	1.032.664.887
2. Tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư ngắn hạn	120	V.02.	18.435.798.000	16.823.464.800
1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		18.435.798.000	16.946.628.900
2. Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(123.164.100)
III. Các khoản phải thu	130	V.03.	557.420	-
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		180.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		377.420	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04.	132.021.376	300.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		132.021.376	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	300.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		2.425.220.372	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		602.403.526	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05.	323.177.717	-
- Nguyên giá	222		365.462.500	152.754.233
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(42.284.783)	(152.754.233)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06.	279.225.809	-
- Nguyên giá	228		320.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.774.191)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.822.816.846	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07.	1.531.075.246	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.08.	291.741.600	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.944.150.402	17.856.429.687



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		653.991.078	22.727.273
I. Nợ ngắn hạn	310		653.991.078	22.727.273
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09.	225.858.040	-
5. Phải trả người lao động	315		115.354.742	-
6. Chi phí phải trả	316	V.10.	216.673.195	22.727.273
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	56.203.267	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		39.901.834	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	340		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12.	26.290.159.324	17.833.702.414
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		66.503.058	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		66.503.058	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.157.153.208	(7.166.297.586)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		26.944.150.402	17.856.429.687

11729
CÔNG TY
NH
TƯ V
KẾ T
TOÁN
NAM
HỒ CHÍ MINH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	3		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	-
5. Ngoại tệ các loại	5		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	6	V.02	10.324.970.000	11.387.490.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	7		10.152.970.000	11.387.490.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	8		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	9		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	10		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	11		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	12		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	13		172.000.000	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	14		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	15		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	20		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30		720.932.569	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	31		720.932.569	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	32		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	40	V.16	148.407.400.000	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	41		148.407.400.000	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	42		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	50		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	51		377.420	-

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập bảng

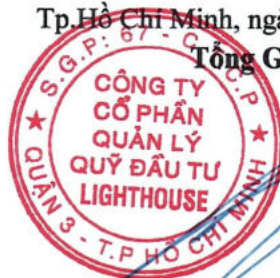
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quang Thái

Trần Quang Thái

Nguyễn Lê Đình Quang



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	VI.01.	527.945.983	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		527.945.983	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		527.945.983	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.02.	17.423.740.549	3.272.223.142
7. Chi phí tài chính	22	V.03.	4.487.005.001	983.099.490
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.04.	4.131.873.245	1.607.603.595
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.332.808.286	681.520.057
10. Thu nhập khác	31	V.05.	75.250.354	-
11. Chi phí khác	32	V.06.	86.686.630	-
12. Lợi nhuận khác	40		(11.436.276)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.321.372.010	681.520.057
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.07.	825.013.266	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.496.358.744	681.520.057
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.399	273

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập bảng

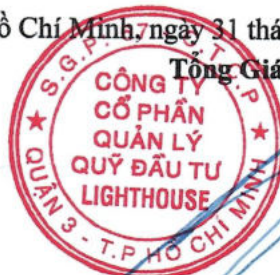
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quang Thái

Trần Quang Thái

Nguyễn Lê Đình Quang



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	527.568.563	44.347.558.509
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(3.779.694.640)	(46.570.228.223)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.839.739.563)	(1.181.076.232)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(625.000.000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.798.000	200.000.000
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(332.042.907)	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.042.110.547)	(3.403.745.946)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(685.462.500)	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(99.160.633.000)	(79.380.156.900)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	110.527.370.000	73.550.913.454
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	278.724.394	1.137.187.241
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.959.998.894	3.307.943.795
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.917.888.347	(95.802.151)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.032.664.887	1.128.467.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.950.553.234	1.032.664.887

Người lập bảng

Kế toán trưởng

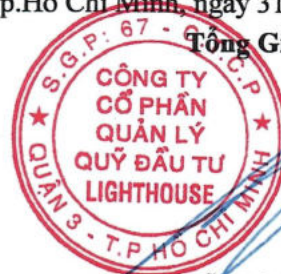
Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tổng Giám đốc

Trần Quang Thái

Trần Quang Thái

Nguyễn Lê Đình Quang



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Quản lý Quỹ, dịch vụ tài chính
- Ngành nghề kinh doanh : + Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán
+ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Tổng số nhân viên : 16 người

Trong đó:

- Nhân viên quản lý : 02 người
- Nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ : 09 người

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ hành nghề QLQ đăng ký hoạt động tại ngày 31/12/2021 như sau:

Stt	Họ tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Chức vụ	Bộ phận làm việc
1	Nguyễn Lê Đình Quang	001917/QLQ	12/08/2020	Tổng Giám đốc	Ban Giám đốc
2	Nguyễn Đình Tùng	001664/QLQ	19/03/2018	Phó phòng	Phân tích
3	Trần Thị Thủy Chung	001032/QLQ	01/11/2013	Nhân viên	Kiểm soát nội bộ
4	Nguyễn Minh Cường	000922/QLQ	28/05/2013	Nhân viên	Phân tích
5	Phan Văn Thắm	001867/QLQ	15/01/2020	Nhân viên	Phân tích
6	Nguyễn Hữu Tuấn	000967/QLQ	20/06/2013	Nhân viên	Quản lý danh mục
7	Dương Thị Minh Châu	000921/QLQ	28/05/2013	Nhân viên	Quản lý danh mục
8	Trần Thị Thu Tâm	000657/QLQ	25/05/2010	Nhân viên	Quản lý danh mục
9	Phạm Anh Vũ	001552/QLQ	31/03/2017	Nhân viên	Phân tích

II. KỲ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;



- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ



Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.1



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	66.464.433	976.263
Tiền gửi ngân hàng	5.884.088.801	1.031.688.624
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam- CN NKKK	530.181.241	-
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - TK phong toả	886.031	-
+ Ngân hàng Eximbank - PGD Bến Thành	-	1.002.548.291
+ CTCP Chứng khoán Bảo Minh	5.353.021.529	29.140.333
Các khoản tương đương tiền (*)	-	-
Cộng	5.950.553.234	1.032.664.887

02. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	18.435.798.000	16.946.628.900
+ Niêm yết	18.435.798.000	16.946.628.900
+ Chưa niêm yết	-	-
+ Trái phiếu	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	(123.164.100)
Cộng	18.435.798.000	16.823.464.800

Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư :

	Số cuối năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số đầu năm
a.Chứng khoán kinh doanh (*)				
+ Niêm yết	18.435.798.000	99.160.633.000	97.671.463.900	16.946.628.900
+ Chưa niêm yết	-	-	-	-
+ Trái phiếu	-	-	-	-
b.Đầu tư ngắn hạn khác				
Cộng	18.435.798.000	99.160.633.000	97.671.463.900	16.946.628.900



(*) Chi tiết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

Chi tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
I. Chứng khoán kinh doanh	1.032.497	18.435.798.000	1.138.749	16.946.628.900
- Cổ phiếu				
+ Chứng khoán vốn đã niêm yết				
BMS	48	-	469.600	2.019.280.000
DBD	-	-	183.300	8.022.375.000
DCF	283.549	4.356.478.000	136.849	1.519.023.900
EIB	-	-	187.500	3.318.750.000
NAB	748.900	14.079.320.000	161.500	2.067.200.000
II. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	-
III. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	1.032.497	18.435.798.000	1.138.749	16.946.628.900

03. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước người bán	180.000	-
- TTLK chứng khoán - tiền mua CK	180.000	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	377.420	-
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	377.420	-
+ Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh	377.420	-
Phải thu khác	-	-
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	-	-
Cộng	557.420	-

04. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	132.021.376	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
- Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	-	300.000
Cộng	132.021.376	300.000

011729
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
C. PH. H. C.

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị văn phòng	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	152.754.233	-	152.754.233
2. Số tăng trong năm			
- Mua sắm mới	193.446.000	209.592.500	403.038.500
3. Số giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán	(190.330.233)	-	(190.330.233)
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm	155.870.000	209.592.500	365.462.500
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	152.754.233	-	152.754.233
2. Khấu hao trong năm	31.139.655	15.488.591	46.628.246
3. Giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán	(157.097.696)	-	(157.097.696)
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm	26.796.192	15.488.591	42.284.783
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	129.073.808	194.103.909	323.177.717

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
a. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	-	-	-
2. Số tăng trong năm	320.000.000	-	320.000.000
- Mua sắm mới	320.000.000	-	320.000.000
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	320.000.000	-	320.000.000
b. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	-	-
2. Khấu hao trong năm	40.774.191	-	40.774.191
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	40.774.191	-	40.774.191
c. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	279.225.809	-	279.225.809

07. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào CPSX trong năm	Số đầu năm
Chi phí sửa văn phòng	1.531.075.246	1.888.666.766	357.591.520	-
Cộng	1.531.075.246	1.888.666.766	357.591.520	-

08. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ ký cược dài hạn	291.741.600	-
+ Tiền cọc thuê văn phòng	291.741.600	-
Cộng	291.741.600	-

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	199.713.266	-
Thuế Thu nhập cá nhân	26.144.774	-
Cộng	225.858.040	-

10. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả khác	216.673.195	22.727.273
Cộng	216.673.195	22.727.273

11. Phải trả phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	56.203.267	-
Cộng	56.203.267	-



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2021

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

a. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	-	-	-	(7.847.817.643)	17.152.182.357
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	681.520.057	681.520.057
- Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	681.520.057	681.520.057
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	25.000.000.000	-	-	-	(7.166.297.586)	17.833.702.414
Số dư đầu năm nay	25.000.000.000	-	-	-	(7.166.297.586)	17.833.702.414
Tăng vốn trong năm	-	-	66.503.058	66.503.058	8.496.358.744	8.629.364.860
- Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	8.496.358.744	8.496.358.744
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	66.503.058	66.503.058	-	133.006.116
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	(172.907.950)	(172.907.950)
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	(172.907.950)	(172.907.950)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	25.000.000.000	-	66.503.058	66.503.058	1.157.153.208	26.290.159.324

12. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
+ Số lượng cp đã phát hành	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp

c. Chi tiết nguồn vốn kinh doanh tại 31/12/2021:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/ Tổng vốn điều lệ
- Pháp nhân	-	-	0%
- Cá nhân	2.500.000	25.000.000.000	100%
Tổng	2.500.000	25.000.000.000	100%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH:

01. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	527.945.983	-
Cộng	527.945.983	-

02. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	3.774.394	436.282.036
- Lãi đầu tư tài chính	17.145.016.155	2.503.541.106
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	274.950.000	332.400.000
Cộng	17.423.740.549	3.272.223.142

03. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.289.110.055	1.671.584.560
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(123.164.100)	(913.025.280)
- Chi phí tài chính khác	321.059.046	224.540.210
Cộng	4.487.005.001	983.099.490



04. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.297.338.822	1.379.075.778
Chi phí đồ dùng văn phòng	396.213.333	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.402.437	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	621.425.658	176.731.334
Chi phí bằng tiền khác	729.492.995	51.796.483
Cộng	4.131.873.245	1.607.603.595

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập liên quan hoạt động thu hộ ngân hàng ủy thác	75.250.354	-
Cộng	75.250.354	-

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản	10.336.169	-
Chi phí liên quan hoạt động chi hộ ngân hàng ủy thác	75.250.354	-
Chi phí khác	1.100.107	-
Cộng	86.686.630	-

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận trước thuế	9.321.372.010	681.520.057
Điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận	(273.849.994)	(195.830.316)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.100.006	159.296.957
+ Chi phí khác	1.100.006	159.296.957
+ Phí tra soát hồ sơ thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	274.950.000	355.127.273
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	274.950.000	332.400.000
+ Chi phí khác	-	22.727.273
Lũy các năm trước chuyển sang	4.922.455.687	485.689.741
Tổng thu nhập chịu thuế	4.125.066.329	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	825.013.266	-
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	825.013.266	-



8. Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh:

8.1- Hoạt động quản lý quỹ

: Không phát sinh

8.2- Hoạt động nhận ủy thác đầu tư chứng khoán

- Tổng số hợp đồng đang thực hiện quản lý	:	2	Hợp đồng
- Tổng số vốn nhận ủy thác đang thực hiện quản lý	:	150.000.000.000	VNĐ
- Phí quản lý thu được trong năm (nếu có)	:	527.945.983	VNĐ
Trong đó: + Phí quản lý ủy thác đầu tư	:	527.945.983	VNĐ
+ Thu nhập (nếu có)	:	-	

Trong năm 2021, Công ty đã ký hợp đồng Quản lý Danh mục đầu tư:

+ Với công ty Cổ phần Artemis Investment, hợp đồng số 02/2021/HĐUT/AI-LHC ngày 29/12/2021 với giá trị vốn ủy thác ghi trên hợp đồng là 452.000.000.000 VNĐ. Hợp đồng đang trong thời gian để bên ủy thác là CTCP Artemis Investment thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền vào tài khoản tại ngân hàng lưu ký.

+ Với Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh, hợp đồng số 01/2021/HĐUT/BMSC-OMC ngày 26/08/2021 với giá trị vốn ủy thác ghi trên hợp đồng là 150.000.000.000 VNĐ. Tình hình danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác tại ngày 31/12/2021 như sau:

Tài sản và khoản phải thu của Hợp đồng ủy thác

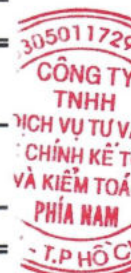
Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng nhà đầu tư	720.932.569	-
Danh mục đầu tư	148.407.400.000	-
Cổ phiếu niêm yết	28.407.400.000	-
Các loại chứng khoán khác	120.000.000.000	-
Tổng tài sản	149.128.332.569	-

Nợ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản phải trả khác		
Trả phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	377.420	-
Tổng nợ	377.420	-

Giá trị tài sản ròng nhà đầu tư	149.127.955.149	-
--	------------------------	----------

8.3- Hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán : Không phát sinh

8.4- Các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ : Không phát sinh



9. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

	Năm nay	Năm trước
9.1. Bố trí cơ cấu tài sản:"		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	9,00%	0,00%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	91,00%	100,00%
9.2. Tỷ suất sinh lợi:"		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	1609,32%	0,00%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	32,32%	3,82%
9.3. Tình hình tài chính:"		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	2,43%	0,13%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	3728,85%	78566,97%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	2,29%	0,00%

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan bao gồm:

- Các thành viên của Hội đồng quản trị
- Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc
- Các thành viên của Ban Kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

- Tiền lương của các thành viên chủ chốt năm 2021 là : 1.007.837.126 VNĐ

Giao dịch các bên liên quan : Không phát sinh

02 . Công cụ tài chính:

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

03 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quang Thái

Trần Quang Thái

Nguyễn Lê Đình Quang

